



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN 26**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Trụ sở chính:** Tầng 11 tòa nhà Sông Đà  
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 024. 62 670 491/492/493 Fax: 024. 62 670 494  
Website: [www.vae.com.vn](http://www.vae.com.vn)

**Chi nhánh:** Số 17/3 Nguyễn Huy Tưởng  
Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028. 6294 1117/6252 1818 Fax: 028. 6294 1119

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 30

20  
ÔN  
INH  
TOÁN  
TỔNG  
HỢP

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Chúng tôi, các thành viên Ban điều hành Công ty Cổ phần 26 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Bà Nguyễn Thị Xoa	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 13/02/2020)
Ông Trịnh Xuân Hiếu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 13/02/2020)
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Bùi Văn Phong	Ủy viên
Ông Mai Văn Đông	Ủy viên

**Ban kiểm soát**

Bà Trần Thị Kim Nhung	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Cảnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hưng Hà	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Xuân Hiếu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/02/2020)
Ông Nguyễn Văn Việt	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/02/2020)
Ông Bùi Văn Phong	Phó Tổng giám đốc
Ông Mai Văn Đông	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/02/2020)

**Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

(tiếp theo)

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành,

**CÔNG TY CỔ PHẦN 26**



**Trịnh Xuân Hiếu**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021



Số *107* -21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *8* tháng 03 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban điều hành**  
**Công ty Cổ phần 26**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần 26 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2018, Công ty đã nhận và bàn giao đưa vào sử dụng các tài sản thuộc dự án “ Di dời tái định cư Nhà máy và Trụ sở Công ty Cổ phần 26” và đã di dời Nhà máy và Trụ sở làm việc từ Khu công nghiệp Sài Đồng đến địa điểm mới tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty chưa có phương án xử lý tài chính đối với những tài sản nêu trên nên Công ty chưa ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này. Nếu ghi nhận tài sản cố định mới tăng từ dự án theo giá trị quyết toán thì chỉ tiêu "Nguyên giá tài sản cố định" trên bảng cân đối kế toán sẽ tăng lên là 226.812.565.588 đồng. Khấu hao tài sản cố định đã trích trong năm nay là 22.519.843.044 đồng (số đã trích các năm trước là 12.695.900.000 đồng) đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" mà không được phản ánh vào chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế". Theo đó, nếu ghi nhận tài sản thì chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" sẽ tăng lên 35.215.743.044 đồng và chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" sẽ giảm đi giá trị tương ứng.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này.



**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Thu Huyền**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

2228-C  
IG TY  
IEM HUU I  
Y VÀ ĐỊNH  
T NAM  
TP

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>469.127.364.591</b>	<b>518.890.440.067</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>136.142.450.572</b>	<b>284.401.177.009</b>
1. Tiền	111		85.566.380.941	94.359.535.843
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.576.069.631	190.041.641.166
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>90.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	90.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>107.297.554.209</b>	<b>32.023.660.643</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3.	57.838.526.630	29.760.679.921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	118.250.000	488.630.241
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	52.808.777.579	1.774.350.481
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.468.000.000)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>134.155.828.819</b>	<b>193.937.160.304</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7.	134.155.828.819	193.937.160.304
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.531.530.991</b>	<b>8.528.442.111</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.374.618.924	7.306.665.514
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	156.912.067	1.221.776.597
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.538.579.640</b>	<b>25.289.003.319</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.996.415.070</b>	<b>25.289.003.319</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	43.996.415.070	25.289.003.319
- Nguyên giá	222		150.428.579.928	128.807.252.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.432.164.858)	(103.518.249.052)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.542.164.570</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	2.542.164.570	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>515.665.944.231</b>	<b>544.179.443.386</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>338.484.851.103</b>	<b>388.130.022.008</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>338.484.851.103</b>	<b>388.130.022.008</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	68.512.286.360	89.568.966.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	42.491.360.700	162.218.432.587
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	4.107.755.713	2.656.395.603
4. Phải trả người lao động	314		39.653.027.993	45.068.399.579
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	173.917.268.247	80.136.443.026
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.803.152.090	8.481.384.768
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177.181.093.128</b>	<b>156.049.421.378</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14.</b>	<b>177.181.093.128</b>	<b>156.049.421.378</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.140.023.545	81.317.154.742
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.041.069.583	24.732.266.636
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.864.517.824	6.864.517.824
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.176.551.759	17.867.748.812
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>515.665.944.231</b>	<b>544.179.443.386</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trịnh Xuân Hiếu

Dương Thị Tâm

Hoàng Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND  
Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	823.861.127.714	633.680.173.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		823.861.127.714	633.680.173.515
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	725.602.536.498	570.076.952.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		98.258.591.216	63.603.221.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	8.756.199.644	5.882.959.381
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	369.078.711	148.247.889
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7.	20.254.034.919	16.924.396.796
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7.	55.640.906.064	29.055.581.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		30.750.771.166	23.357.954.470
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	43.746.536	-
12. Chi phí khác	32	VI.6.	12.975.833	49.525.186
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		30.770.703	(49.525.186)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.781.541.869	23.308.429.284
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	6.604.990.110	5.440.680.472
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		24.176.551.759	17.867.748.812
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	4.017,46	2.969,12

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Dương Thị Tâm

Hoàng Thị Thu Hương

Trịnh Xuân Hiếu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.781.541.869	23.308.429.284
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		31.464.120.659	8.167.409.830
- Các khoản dự phòng	03		3.468.000.000	(309.345.460)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		369.078.711	148.247.889
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.266.709.750)	(5.456.133.338)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.816.031.489	25.858.608.205
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.916.717.076)	(8.089.918.734)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		59.781.331.485	(19.790.971.967)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(70.948.486.405)	111.408.230.539
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.542.164.570)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.818.080.926)	(2.259.440.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.000.412.313	19.290.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.723.525.000)	(3.152.595.623)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(28.351.198.690)</b>	<b>103.993.202.420</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.748.756.108)	(13.968.135.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		84.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.279.685.583	4.304.436.838
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(109.384.979.616)</b>	<b>(9.663.698.980)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.325.204.050)	(3.437.857.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(10.325.204.050)</b>	<b>(3.437.857.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50		<b>(148.061.382.356)</b>	<b>90.891.646.240</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>284.401.177.009</b>	<b>193.657.778.658</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		<b>(197.344.081)</b>	<b>(148.247.889)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	70	V.1.	<b>136.142.450.572</b>	<b>284.401.177.009</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Dương Thị Tâm

Hoàng Thị Thu Hường



Trịnh Xuân Hiếu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 26 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty 26, Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3614/QĐ-BQP ngày 16 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007. Công ty có 12 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 12 ngày 18/02/2020 thì vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).**

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh các mặt hàng dệt may, các sản phẩm từ da, cao su, nhựa, kim khí, đồ gỗ, bao bì và một số sản phẩm đặc thù khác như mũ, nhà bạt, cồng võng, áo phao các loại;
- Xuất nhập khẩu sản phẩm, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty và các sản phẩm do Công ty sản xuất ra;
- Cho thuê văn phòng.

**Trụ sở Công ty tại:** Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp 26.1	Tổ 23, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 26.3	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 26.4	Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, và áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và Xí nghiệp. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Xí nghiệp và giữa các Xí nghiệp với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ****Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	05
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24

**9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, toàn bộ là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán trong năm.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****13.1 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.378.902.677	92.255.230
Tiền gửi ngân hàng	84.187.478.264	94.267.280.613
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>50.576.069.631</b>	<b>190.041.641.166</b>
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	50.576.069.631	190.041.641.166
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	40.576.069.631	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long Biên	10.000.000.000	140.041.641.166
<b>Cộng</b>	<b>136.142.450.572</b>	<b>284.401.177.009</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tâm Việt	-	-	1.462.900.000	-
Viện Kiểm sát nhân dân Cơ quan Thi hành án	3.812.281.245	-	1.687.312.705	-
Văn phòng Tòa án Nhân dân tối cao	1.689.688.000	-	57.134.000	-
Cục Hậu cần - Quân khu 9	2.570.978.000	-	-	-
Trường Đại học Điện Lực	1.863.650.000	-	-	-
Bunning Group, Ltd	38.771.442.004	(3.468.000.000)	22.073.853.751	-
Các đối tượng khác	9.130.487.381	-	2.103.729.465	-
<b>Cộng</b>	<b>57.838.526.630</b>	<b>(3.468.000.000)</b>	<b>29.760.679.921</b>	<b>-</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Xây dựng dân dụng và Thiết bị môi trường H75	-	275.000.000
Công ty CP Môi trường và Phát triển Đại Dương Xanh	-	135.300.000
Công ty TNHH Cơ khí và Thương mại Thành Trung	74.250.000	-
Các đối tượng khác	44.000.000	78.330.241
<b>Cộng</b>	<b>118.250.000</b>	<b>488.630.241</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu khác	967.921.291	-	1.774.350.481	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	963.921.291	-	1.774.350.481	-
Phải thu khác	4.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	51.840.856.288	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>52.808.777.579</b>	<b>-</b>	<b>1.774.350.481</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Long Biên để bảo lãnh thực hiện cho các đơn hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**6. Nợ phải thu quá hạn thanh toán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán</b>				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Bunning Group.,Ltd	11.560.662.915	8.092.662.915	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.560.662.915</b>	<b>8.092.662.915</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.907.358.885	-	27.688.275.971	-
Công cụ, dụng cụ	178.296.305	-	177.276.035	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.768.346.138	-	11.792.244.726	-
Thành phẩm	72.636.874.261	-	132.220.573.341	-
Hàng hóa	2.304.093.821	-	22.001.670.394	-
Hàng gửi bán	1.360.859.409	-	57.119.837	-
<b>Cộng</b>	<b>134.155.828.819</b>	<b>-</b>	<b>193.937.160.304</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	2.542.164.570	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	2.542.164.570	-
<b>Cộng</b>	<b>2.542.164.570</b>	<b>-</b>

28-C.2  
 T Y  
 HỮU HẠI  
 ĐINH GI  
 NAM  
 TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2020	47.800.425.342	69.490.819.533	10.340.422.539	1.175.584.957	128.807.252.371
Mua trong năm	-	14.559.900.763	820.820.000	54.454.545	15.435.175.308
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.313.580.800	-	-	-	12.313.580.800
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.595.757.488)	-	-	(2.595.757.488)
Giảm do phá dỡ	(3.531.671.063)	-	-	-	(3.531.671.063)
Số dư ngày 31/12/2020	56.582.335.079	81.454.962.808	11.161.242.539	1.230.039.502	150.428.579.928
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2020	27.857.607.050	66.170.252.041	8.314.805.004	1.175.584.957	103.518.249.052
Khấu hao trong năm	3.286.473.087	4.879.904.463	775.177.337	2.722.728	8.944.277.615
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.595.757.488)	-	-	(2.595.757.488)
Giảm do phá dỡ	(3.434.604.321)	-	-	-	(3.434.604.321)
Số dư ngày 31/12/2020	27.709.475.816	68.454.399.016	9.089.982.341	1.178.307.685	106.432.164.858
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2020	19.942.818.292	3.320.567.492	2.025.617.535	-	25.289.003.319
Tại ngày 31/12/2020	28.872.859.263	13.000.563.792	2.071.260.198	51.731.817	43.996.415.070

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.335.919.777 VND (Tại 31/12/2019 là: 76.674.426.073 VND)

- Nguyên giá TSCĐ không còn sử dụng tại Sài Đồng Long Biên 14.311.756.944 VND.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Hợp tác xã Cường Thịnh	3.481.639.300	3.481.639.300	10.212.877.897	10.212.877.897
Công ty TNHH Hoàng Phát	5.720.031.484	5.720.031.484	2.828.639.546	2.828.639.546
Công ty TNHH Tuấn Phú Sơn	5.696.670.737	5.696.670.737	3.577.442.866	3.577.442.866
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trà Giang	2.320.015.550	2.320.015.550	5.984.756.355	5.984.756.355
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Phụ liệu ngành may Hà Nội	1.008.947.419	1.008.947.419	4.583.262.183	4.583.262.183
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	5.264.760.034	5.264.760.034	4.343.126.423	4.343.126.423
Các đối tượng khác	45.020.221.836	45.020.221.836	58.038.861.175	58.038.861.175
<b>Cộng</b>	<b>68.512.286.360</b>	<b>68.512.286.360</b>	<b>89.568.966.445</b>	<b>89.568.966.445</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Cục Quân nhu	59.198.900	133.373.875.027
Cục Trang bị và Kho vận - Bộ Công an	3.195.238.200	17.930.000.000
Vụ Tài vụ quản trị - Tổng Cục thuế	38.991.308.400	-
Cục Hậu cần - Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng	-	4.543.000.000
Bộ Tư lệnh cảnh sát biển	-	2.910.574.000
Bộ Tư lệnh quân khu Thủ đô	-	2.999.378.400
Các đối tượng khác	245.615.200	461.605.160
<b>Cộng</b>	<b>42.491.360.700</b>	<b>162.218.432.587</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
	<b>a) Phải nộp</b>			
Thuế xuất nhập khẩu	-	641.194.445	-	641.194.445
Thuế TNDN	2.582.274.939	6.604.990.110	5.818.080.926	3.369.184.123
Thuế thu nhập cá nhân	74.120.664	442.993.753	419.737.272	97.377.145
<b>Cộng</b>	<b>2.656.395.603</b>	<b>7.689.178.308</b>	<b>6.237.818.198</b>	<b>4.107.755.713</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**b) Phải thu**

Thuế GTGT đầu ra	1.221.776.597	8.364.248.688	7.299.384.158	156.912.067
<b>Cộng</b>	<b>1.221.776.597</b>	<b>8.364.248.688</b>	<b>7.299.384.158</b>	<b>156.912.067</b>

**13. Phải trả khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	800.879.547	842.273.402
Bảo hiểm xã hội	42.308.953	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	173.074.079.747	79.294.169.624
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.041.659.446</i>	<i>4.366.863.496</i>
<i>Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng</i>	<i>-</i>	<i>34.500.000.000</i>
<i>Phòng Tài chính - Tổng Cục Hậu cần</i>	<i>109.050.000.000</i>	<i>3.535.039.800</i>
<i>Tiền thuê đất Bộ Quốc phòng</i>	<i>17.171.393.734</i>	<i>12.246.795.175</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ khu Nhà máy và Trụ sở mới tại Phúc Lợi (*)</i>	<i>35.215.743.044</i>	<i>12.695.900.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>10.595.283.523</i>	<i>11.949.571.153</i>
<b>Cộng</b>	<b>173.917.268.247</b>	<b>80.136.443.026</b>

(\*) Do chưa có báo cáo quyết toán vốn đầu tư được phê duyệt nên Công ty chưa ghi tăng nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án "Di dời tái định cư Nhà máy và Trụ sở Công ty Cổ phần 26" đồng thời, khấu hao TSCĐ khu Nhà máy và Trụ sở mới tại Phúc Lợi đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác", chưa phản ánh vào chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế".

**b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**14. Vốn chủ sở hữu**

**14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	-	28.444.461.064	78.444.461.064	
Lãi trong năm trước	-	-	17.867.748.812	17.867.748.812	
Trích lập các quỹ	-	-	(14.579.943.240)	(14.579.943.240)	
Chia cổ tức	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2019	50.000.000.000	-	24.732.266.636	74.732.266.636	
Lãi trong năm nay	-	-	24.176.551.759	24.176.551.759	
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(10.867.748.812)	(10.867.748.812)	
Chia cổ tức (i)	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2020	50.000.000.000	-	31.041.069.583	81.041.069.583	

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 154/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2020, cụ thể: chi trả cổ tức năm 2019 là 7.000.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2.680.162.322 đồng; trích quỹ thưởng HĐQT 342.000.000 đồng; trích quỹ đầu tư phát triển 7.845.586.490 đồng.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn góp của Nhà nước	25.500.000.000	25.500.000.000
Cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.000.000.000	7.000.000.000

**14.4 Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.350.000	29.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

**14.4 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2020	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	81.317.154.742	14.822.868.803	-	96.140.023.545
<b>Cộng</b>	<b>81.317.154.742</b>	<b>14.822.868.803</b>	<b>-</b>	<b>96.140.023.545</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
Tiền USD tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	12.027,69	12.027,69
Tiền USD tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long Biên	1.624.393,34	1.772.275,14

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hoá	152.179.202.345	129.007.046.303
Doanh thu bán thành phẩm	664.793.041.279	500.670.761.304
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.888.884.090	4.002.365.908
<b>Cộng</b>	<b>823.861.127.714</b>	<b>633.680.173.515</b>

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.3***2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hoá	143.113.476.212	118.423.459.259
Giá vốn bán thành phẩm	582.489.060.286	451.653.493.078
<b>Cộng</b>	<b>725.602.536.498</b>	<b>570.076.952.337</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.279.685.583	5.801.493.786
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	476.514.061	81.465.595
<b>Cộng</b>	<b>8.756.199.644</b>	<b>5.882.959.381</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	369.078.711	148.247.889
<b>Cộng</b>	<b>369.078.711</b>	<b>148.247.889</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	43.746.536	-
<b>Cộng</b>	<b>43.746.536</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định phá dỡ	12.975.833	-
Chi phí khác	-	49.525.186
<b>Cộng</b>	<b>12.975.833</b>	<b>49.525.186</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>20.254.034.919</b>	<b>16.924.396.796</b>
Chi phí nhân viên	2.272.966.273	1.908.760.248
Chi phí vật liệu, bao bì	10.621.136.392	10.291.067.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.458.736.453	3.772.174.273
Chi phí bằng tiền khác	1.901.195.801	952.395.105
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>55.640.906.064</b>	<b>29.364.926.864</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.748.138.022	12.667.828.410
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.670.478.319	1.356.002.978
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.909.458.826	1.409.254.153
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí dự phòng	3.468.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.348.180.342	3.330.410.235
Chi phí bằng tiền khác	15.489.650.555	10.594.431.088
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>(309.345.460)</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(309.345.460)
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.894.940.983</b>	<b>45.979.978.200</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	420.820.387.768
Chi phí nhân công	158.777.791.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.464.120.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.263.949.944
Chi phí khác bằng tiền	23.618.398.010
<b>Cộng</b>	<b>653.944.647.588</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	30.781.541.869	23.308.429.284
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.643.408.680	3.597.773.075
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	32.424.950.549	26.906.202.359
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.484.990.110	5.381.240.472
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	120.000.000	59.440.000
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.604.990.110</b>	<b>5.440.680.472</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.176.551.759	17.867.748.812
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(4.089.237.238)	(3.022.162.322)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(4.089.237.238)</i>	<i>(3.022.162.322)</i>
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.089.237.238)	(3.022.162.322)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.087.314.521	14.845.586.490
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.017,46	2.969,12

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 154/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2020 của Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020 được Công ty tạm tính theo tỷ lệ đã trích lập của năm 2019.

Do trên Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp thường niên khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2019 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Cụ thể như sau:

	Năm 2019		
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	17.867.748.812	-	17.867.748.812
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.680.162.322)	(342.000.000)	(3.022.162.322)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.680.162.322)</i>	<i>(342.000.000)</i>	<i>(3.022.162.322)</i>
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.680.162.322)	(342.000.000)	(3.022.162.322)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.187.586.490	(342.000.000)	14.845.586.490
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	-	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.037,52	(68,40)	2.969,12

**VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

228  
G T'  
EM HUI  
VA DIA  
NAI  
TP

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Cục Quân nhu  
 Cục Doanh trại  
 Cục Quản lý xe máy  
 Cục Hậu cần - Tổng cục II  
 Cục Vận tải  
 Cục Quân khí - Tổng Cục Kỹ thuật  
 Cục Hậu cần - Tổng Cục Công nghiệp quốc phòng  
 Cục Hậu cần - Bộ Tư lệnh hoá học  
 Cục Hậu cần - Quân khu I  
 Cục Hậu cần - Quân khu 5  
 Cục Hậu cần - Quân khu 9  
 Xí nghiệp May Cục Hậu cần - Quân khu 7  
 Cục Kỹ thuật - Quân khu I  
 Cục Cứu hộ cứu nạn - Bộ Tổng Tham mưu  
 Cục Dân quân tự vệ  
 Bộ Tham mưu - Tổng Cục Hậu cần  
 Tổng Cục Kỹ thuật  
 Cục Quân huấn - Bộ Tổng Tham mưu  
 Cục Hậu cần - Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng  
 Công ty CP X20  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội  
 Các Công ty con của Bộ Quốc phòng

**Mối quan hệ**

Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng  
 Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng



(\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Bán hàng</b>		
Cục Quân nhu	451.162.994.269	345.825.187.148
Cục Quản lý xe máy	-	681.450.000
Cục Hậu cần - Tổng cục II	1.367.965.800	994.989.585
Cục Quân khí - Tổng Cục Kỹ thuật	593.726.364	-
Cục Hậu cần - Tổng Cục Công nghiệp quốc phòng	502.236.116	71.232.510
Cục Hậu cần - Bộ Tư lệnh hóa học	23.592.145	49.078.651.364
Cục Dân quân tự vệ	24.369.636.364	5.640.227.273
Tổng Cục Kỹ thuật	5.802.045.455	5.640.227.273
Cục Hậu cần - Quân khu 9	2.337.252.727	29.695.000
Cục Hậu cần - Quân khu 5	-	123.886.364
Xí nghiệp May Cục Hậu cần - Quân khu 7	-	204.148.600
Công ty CP X20	81.170.018	3.619.969.060
Xưởng may 7-5	-	17.357.200
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	4.295.982.515	3.607.376.793
Cục Hậu cần - Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng	18.574.154.138	-
Bộ Tư lệnh đặc công	4.618.909.193	-
Bộ Tư lệnh phòng không - không quân	4.326.534.727	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Bộ Tư lệnh quân khu Thủ đô	2.726.707.636	-
Đoàn Nghi lễ quân đội	2.126.629.930	-
Cục Quân y - Tổ chức hành chính	19.077.272.727	-
Cục Hậu cần - Quân khu 3	1.865.671.818	-
Cục Hậu cần - Quân khu 7	208.307.273	-

**Mua hàng**

Công ty Cổ phần 32 - Bộ Quốc phòng	763.585.000	14.272.727
Công ty Cổ phần 22	574.600.454	842.869.329
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.170.408.958	1.764.166.947
Công ty Cổ phần X20	9.703.381.089	8.092.867.087
Công ty TNHH MTV Cơ khí 17	52.202.800	89.888.364
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	59.915.000	-
Công ty TNHH MTV Dệt may 7	967.288.886	23.613.605.045
Xí nghiệp May thương binh 27/7	905.500.000	-
Kho 205 - Cục Quân nhu	440.832.730	1.110.630.513
Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Quân Đội	25.763.636	27.518.182
Công ty TNHH Một thành viên Z133	565.813.049	645.822.186
Công ty Cổ phần Z198 Việt Nam	1.306.597.664	1.813.382.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	1.147.224.074	205.965.010

(\*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND

**Các khoản phải thu của khách hàng**

Công ty Cổ phần X20	-	138.143.600
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - CN Hà Nội	697.186.064	-
Cục Quân khí - Tổng cục kỹ thuật	653.099.000	-
Bộ Tư lệnh Đặc công	779.933.002	-
Cục Hậu cần - Quân khu 9	2.570.978.000	-
Cục Hậu cần - Quân khu 3	105.359.138	-
Cục Hậu cần - Quân khu 7	229.138.000	-

**Các khoản phải trả người bán**

Công ty Cổ phần 32 - Bộ Quốc phòng	15.700.000	15.700.000
Công ty Cổ phần 22	462.499.549	158.502.549
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	236.094.009
Công ty Cổ phần X20	-	1.344.628.704
Công ty TNHH MTV Dệt may 7	468.341.500	-
Công ty Cổ phần Z198 Việt Nam	25.740.000	161.535.656
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	1.156.519.980	95.059.991

**Các khoản người mua trả tiền trước**

Cục Quân nhu	59.198.900	133.373.875.027
Cục Hậu cần - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	-	4.543.000.000

**Các khoản phải trả, phải nộp khác**

Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng	-	34.500.000.000
Phòng Tài chính - Tổng Cục Hậu cần	109.050.000.000	3.535.039.800

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**(\* Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2020
		VND
<b>Thu nhập Ban Tổng giám đốc</b>		
Họ và tên	Chức danh	
Trịnh Xuân Hiếu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/02/2020)	566.988.461
Nguyễn Văn Việt	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13/02/2020)	490.223.918
Bùi Văn Phong	Phó Tổng giám đốc	452.278.910
<b>Thu nhập của Kế toán trưởng và các thành viên quản lý khác</b>		
Họ và tên	Chức danh	
Trần Thanh Sơn	Ủy viên	410.641.376
Chu Đức Thịnh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 17/04/2020)	415.078.451
Hoàng Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	408.716.865
Trần Thị Kim Nhung	Trưởng ban kiểm soát	140.069.441
<b>Cộng</b>		<b>2.883.997.422</b>

**3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Công nợ tài chính**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	136.142.450.572	284.401.177.009
Nợ thuần	(136.142.450.572)	(284.401.177.009)
Vốn chủ sở hữu	177.181.093.128	156.049.421.378
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.142.450.572	284.401.177.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.179.304.209	31.535.030.402
Các khoản đầu tư tài chính	90.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>333.321.754.781</b>	<b>315.936.207.411</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	242.429.554.607	169.705.409.471
<b>Cộng</b>	<b>242.429.554.607</b>	<b>169.705.409.471</b>

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
<b>31/12/2020</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	242.429.554.607	-	242.429.554.607
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2020</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	169.705.409.471	-	169.705.409.471

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
<b>31/12/2020</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.142.450.572	-	136.142.450.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.179.304.209	-	107.179.304.209
Các khoản đầu tư tài chính	90.000.000.000	-	90.000.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2020</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.401.177.009	-	284.401.177.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.535.030.402	-	31.535.030.402

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 26 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN 26**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**



**Dương Thị Tâm**

**Hoàng Thị Thu Hương**

**Trịnh Xuân Hiếu**

